

SỞ GIÁO DỤC – ĐÀO TẠO TẠO  
THỪA THIÊN HUẾ  
**TRƯỜNG PHỔ THÔNG DTNT TỈNH**

Số: 94/TBTS - DTNTT  
V/v thông báo tuyển sinh lớp 10  
năm học 2023-2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thừa Thiên Huế, ngày 20 tháng 4 năm 2023

Kính gửi:

- Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện A Lưới;
- Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nam Đông;
- Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Phong Điền;
- Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Phú Lộc;
- Phòng Giáo dục và Đào tạo Thị xã Hương Trà;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 03/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở (THCS) và tuyển sinh trung học phổ thông (THPT); Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 ban hành Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư số 04/2023/TT-BGDĐT ngày 23/02/2023 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú (DTNT);

Căn cứ Quyết định số 635/QĐ-UBND ngày 24/3/2023 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo tại tỉnh Thừa Thiên Huế, năm học 2023-2024; Kế hoạch số 125/KH-UBND ngày 27/3/2023 về Kế hoạch tuyển sinh các lớp đầu cấp năm học 2023-2024 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 893/QĐ-SGDĐT ngày 28/3/2023 của Sở GDĐT về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển giáo dục THPT năm học 2023-2024; Công văn số 1022/HD-SGDĐT ngày 07 tháng 4 năm 2023 của Sở Giáo dục – Đào tạo Thừa Thiên Huế về việc hướng dẫn tuyển sinh các lớp đầu cấp năm học 2023-2024;

Trường phổ thông Dân tộc Nội trú Tỉnh thông báo tuyển sinh năm học 2023 - 2024 với những nội dung như sau:

**1. Chỉ tiêu tuyển sinh:**

Ba (3) lớp 10, với 100 học sinh.

**2. Phương thức tuyển sinh:**

Kết hợp thi tuyển với xét tuyển (Ngoài việc xét tuyển theo Quy chế, học sinh phải dự thi đủ hai môn: Ngữ văn và Toán bằng hình thức tự luận; thời gian quy định cho mỗi môn thi là 120 phút)



### 3. Đối tượng và điều kiện tuyển sinh:

#### 3.1. Đối tượng tuyển sinh:

- Học sinh là người dân tộc thiểu số mà bản thân và cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú từ 36 tháng liên tục trở lên tính đến ngày nộp hồ sơ tuyển sinh tại:

+ Xã, phường, thị trấn khu vực III và thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi <sup>(1)</sup>, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo <sup>(2)</sup> theo quy định của cấp có thẩm quyền (sau đây gọi chung là xã, thôn đặc biệt khó khăn);

+ Xã, phường, thị trấn khu vực II và khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của cấp có thẩm quyền.

- Học sinh dân tộc thiểu số rất ít người được quy định tại Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ Quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người.

- Học sinh là người dân tộc Kinh mà bản thân và cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú từ 36 tháng liên tục trở lên tính đến ngày nộp hồ sơ tuyển sinh tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn. Trường phổ thông DTNT được tuyển không quá 10% học sinh là người dân tộc Kinh trong tổng số chỉ tiêu tuyển mới hằng năm.

#### 3.2. Điều kiện tuyển sinh:

Thí sinh thuộc đối tượng tuyển sinh phải đảm bảo các điều kiện sau:

- Đã tốt nghiệp cấp THCS (chưa học cấp THPT), có độ tuổi theo quy định;
- Có hạnh kiểm và học lực lớp 9 xếp từ loại Khá trở lên.

<sup>(1)</sup> *Danh sách 24 xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thừa Thiên Huế phân định theo trình độ phát triển giai đoạn 2021-2025 (Kèm theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ):*

1. Các xã khu vực I (09 xã):

- Huyện A Lưới (03 xã): xã Phú Vinh; xã A Ngo; Thị trấn A Lưới;
- Huyện Nam Đông (04 xã): xã Thượng Quảng; xã Hương Sơn; xã Thượng Lộ; xã Thượng Nhật;
- Thị xã Hương Trà (01 xã): xã Bình Tiến;
- Huyện Phú Lộc (01 xã): xã Xuân Lộc.

2. Các xã khu vực II (01 xã): xã Hồng Thượng (huyện A Lưới).

3. Các xã khu vực III (14 xã):

- Huyện A Lưới (12 xã): xã Hương Nguyên; xã Hồng Hạ; xã A Roàng; xã Lâm Đót; xã Đông Sơn; xã Hồng Thái; xã Quảng Nhâm; xã Hồng Bắc; xã Hồng Kim; xã Trung Sơn; xã Hồng Vân; xã Hồng Thủy;

- Huyện Nam Đông (02 xã): xã Thượng Long; xã Hương Hữu.

<sup>(2)</sup> *Danh sách 07 xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025 (Kèm theo Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ):*

- Huyện Phong Điền (02 xã): xã Phong Chương; xã Điền Hương;
- Huyện Phú Lộc (03 xã): xã Lộc Bình; xã Lộc Vĩnh; xã Giang Hải;
- Huyện Phú Vang (02 xã): xã Phú Gia; xã Phú Diên.

#### **4. Đăng ký dự tuyển và nộp hồ sơ trúng tuyển (sau khi có kết quả trúng tuyển)**

##### **4.1. Đăng ký dự tuyển:**

Việc đăng ký tuyển sinh vào lớp 10 các trường THPT trên địa bàn tỉnh được thực hiện bằng hình thức trực tuyến trên Cổng thông tin đào tạo của trường (theo hướng dẫn ngày 19/4/2023 của Sở về việc hướng dẫn đăng ký trực tuyến hệ thống thông báo, giao việc của Sở).

**Từ ngày 02/5/2023 đến ngày 07/5/2023:** Các trường THCS, THCS&THPT hướng dẫn và tổ chức cho học sinh đăng ký nguyện vọng tuyển sinh trực tuyến trên Cổng thông tin Tuyển sinh của Sở GDĐT <http://tuyensinh.thuathienhue.edu.vn>;

Phiếu đăng ký dự tuyển xuất ra từ phần mềm lập thành hai bản, có chữ ký xác nhận của học sinh, phụ huynh học sinh và Hiệu trưởng; trường THCS lưu giữ một bản, học sinh giữ một bản (đây là cơ sở để học sinh nộp đơn dự tuyển vào trường THPT).

**Từ ngày 15/5/2023 đến ngày 19/5/2023:** Trường THCS, THCS&THPT tổ chức cho học sinh đăng ký nguyện vọng tuyển sinh chính thức (giữ nguyên nguyện vọng cũ hoặc điều chỉnh nguyện vọng)

##### **4.2. Nộp hồ sơ trúng tuyển (sau khi có kết quả trúng tuyển)**

Sau khi có kết quả tuyển sinh, thí sinh nộp hồ sơ trúng tuyển (hồ sơ nhập học) bao gồm:

- (1). Đơn dự tuyển (kết xuất từ phần mềm đăng ký tuyển sinh trực tuyến, có xác nhận của trường THCS);
- (2). Bản sao giấy khai sinh hợp lệ;
- (3). Bằng tốt nghiệp THCS (bản sao từ sổ gốc hoặc bản chứng thực) hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp THCS tạm thời;
- (4). Học bạ cấp THCS (bản chính);
- (5). Giấy xác nhận chế độ ưu tiên, khuyến khích do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có);
- (6). Giấy xác nhận do ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn cấp (đối với người học đã tốt nghiệp THCS từ những năm học trước) không trong thời gian thi hành án phạt tù; cải tạo không giam giữ hoặc vi phạm pháp luật.
- (7). Căn cứ hợp pháp để xác nhận thông tin về cư trú.

##### **Lưu ý:**

- Thí sinh chỉ được chính thức công nhận trúng tuyển sau khi Hội đồng tuyển sinh nhà trường xem xét đúng, đủ hồ sơ, lập danh sách đề nghị và được Giám đốc Sở GD&ĐT phê duyệt;

- Thí sinh không đến nộp hồ sơ trúng tuyển (hồ sơ nhập học) đúng thời gian quy định được xem như không có nhu cầu học và sẽ không được công nhận trúng tuyển; trường hợp có lý do đặc biệt sẽ do Chủ tịch hội đồng tuyển sinh xem xét, quyết định;

- Hồ sơ dự tuyển được bỏ vào 1 túi hồ sơ bằng giấy (cỡ A4).

## 5. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ trúng tuyển (hồ sơ nhập học)

- Thời gian: **Từ ngày 20/6/2023 đến ngày 24/6/2023**

(buổi sáng: từ 8 giờ 00 đến 11 giờ 15; buổi chiều: từ 13 giờ 30 đến 16 giờ 00).

- Địa điểm: Trường Phổ thông DTNT Tỉnh (số 03 đường Huyện Trần Công Chứa, phường Phường Đúc - thành phố Huế)

- Phương thức nộp hồ sơ: Hồ sơ được nhà trường nhận từ cá nhân học sinh hoặc phụ huynh (nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh, nhà trường có thể nhận hồ sơ từ đại diện phụ huynh của các xã hoặc các trường THCS).

## 6. Ngày thi, lịch thi, địa điểm thi, điểm bài thi

### 6.1. Ngày thi, lịch thi:

**Ngày 03/6/2023** (thí sinh dự thi 02 môn Ngữ văn và Toán)

Buổi	Môn thi	Giờ giao đề cho thí sinh	Giờ bắt đầu làm bài	Thời gian làm bài
Sáng	Ngữ văn	07 giờ 55	08 giờ 00	120 phút
Chiều	Toán	13 giờ 25	13 giờ 30	120 phút

### 6.2. Địa điểm thi:

- Thí sinh ở huyện Nam Đông và huyện A Lưới dự thi tại điểm thi đặt tại huyện Nam Đông và huyện A Lưới;

- Thí sinh ở thị xã Hương Trà, huyện Phong Điền, Phú Lộc, Phú Vang thuộc đối tượng tuyển sinh vào Trường Phổ thông DTNT Tỉnh được phép chọn đăng ký dự thi tại thành phố Huế.

### 6.3. Điểm bài thi:

Điểm bài thi là tổng điểm thành phần của từng câu trong đề thi, điểm bài thi cho theo thang điểm từ điểm 0 đến điểm 10, điểm lẻ đến 0,25.

## 7. Quy định về cách tính điểm theo kết quả rèn luyện và học tập 4 năm ở THCS; quy định cộng điểm ưu tiên; cộng điểm khuyến khích

### 7.1. Điểm tính theo kết quả rèn luyện và học tập 4 năm học ở trung học cơ sở như sau:

TT	Kết quả rèn luyện và học tập mỗi năm học ở cấp THCS		Điểm quy đổi
	Hạnh kiểm	Học lực	
1.	Tốt	Giỏi	2,5
2.	Khá	Giỏi	2,0
3.	Tốt	Khá	
4.	Khá	Khá	1,5
5.	Trung bình	Giỏi	1,0
6.	Tốt	Trung bình	
7.	Khá	Trung bình	1,0
8.	Trung bình	Khá	
9.	Các trường hợp còn lại		0,25

*Lưu ý: Nếu thí sinh lưu ban ở lớp nào thì tính kết quả năm học lại của lớp đó.*

## 7.2. Quy định cộng điểm ưu tiên

a) Cộng 3 điểm cho một trong các đối tượng sau:

- Con liệt sĩ;
- Con thương binh mất sức lao động 81% trở lên;
- Con bệnh binh mất sức lao động 81% trở lên;
- Con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên”.

b) Cộng 2,5 điểm cho một trong các đối tượng sau:

- Con của Anh hùng lực lượng vũ trang, con của Anh hùng lao động;
- Con thương binh mất sức lao động dưới 81%;
- Con bệnh binh mất sức lao động dưới 81%;
- Con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%”.

c) Cộng 2,0 điểm cho một trong các đối tượng sau:

- Người có cha hoặc mẹ là người dân tộc thiểu số;
- Người dân tộc thiểu số;
- Người học đang sinh sống, học tập ở các vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật.

*\*Lưu ý: Trường hợp thí sinh có nhiều diện ưu tiên thì được cộng điểm ưu tiên cao nhất.*

**7.3. Quy định cộng điểm khuyến khích đối với học sinh thi nghề phổ thông (chỉ áp dụng cho các trường phổ thông DTNT)**



Học sinh được cấp chứng nhận nghề phổ thông trong kỳ thi do Sở GD&ĐT tổ chức ở cấp THCS:

- Loại Giỏi : cộng 1,5 điểm;
- Loại Khá : cộng 1,0 điểm;
- Loại Trung bình : cộng 0,5 điểm.

### **8. Điều kiện và nguyên tắc xét trúng tuyển**

- Điểm xét tuyển là tổng điểm của số điểm hai bài thi (tính hệ số 2) với điểm tính theo kết quả rèn luyện, học tập của 04 năm học ở cấp THCS, điểm ưu tiên và điểm khuyến khích (nếu có).

- Chỉ xét tuyển đối với những thí sinh đã thi đủ 02 (hai) bài thi theo quy định, không vi phạm Quy chế thi, không có bài thi nào bị điểm 0.

- Căn cứ điểm xét tuyển, xét từ cao xuống thấp để tuyển đủ chỉ tiêu được giao. Trường hợp xét đến chỉ tiêu cuối cùng, nếu có nhiều thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau nhưng không thể tuyển hết thì tiếp tục xét chọn thí sinh theo thứ tự ưu tiên sau: có điểm trung bình các môn học cuối năm học lớp 9 cao hơn; có tổng điểm trung bình của hai môn dự thi ở năm học lớp 9 cao hơn. Nếu vẫn còn những thí sinh có điểm bằng nhau thì Sở GD&ĐT quyết định số lượng tuyển sinh.

**Lưu ý:** *Lấy không quá 10% trong số được tuyển là con em dân tộc Kinh.*

### **9. Tuyển thẳng vào trường Phổ thông Dân tộc Nội trú:**

Thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 11 Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú ban hành kèm theo Thông tư số 04/2023/TT-BBGDDT ngày 23/02/2023 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT. Cụ thể như sau:

*Tuyển thẳng vào trường PTDTNT các đối tượng sau:*

- Học sinh dân tộc thiểu số rất ít người;
- Học sinh người dân tộc thiểu số thuộc đối tượng quy định tại Điều 9 của Quy chế này đạt giải cấp quốc gia, quốc tế về văn hóa; văn nghệ; thể dục thể thao; cuộc thi khoa học kỹ thuật được tuyển thẳng vào học trường phổ thông DTNT trung học phổ thông.

### **10. Tổ hợp môn học và cụm chuyên đề học tập lựa chọn thực hiện chương trình GDPT 2018 áp dụng cho năm học 2023 – 2024**

Xem chi tiết tại Thông báo số 95/TB-DTNTT ngày 21/4/2023 của Trường Phổ thông DTNT Tỉnh về việc thông báo các tổ hợp môn học và cụm chuyên đề học tập lựa chọn thực hiện chương trình GDPT 2018 áp dụng cho năm học 2023 – 2024 (đính kèm)

Trên đây là thông tin về tuyển sinh vào lớp 10 trường Phổ thông DTNT Tỉnh năm học 2023 - 2024, kính đề nghị Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Hương Trà triển khai đến các trường THCS trên địa bàn của huyện, thị xã để công tác tuyển sinh vào lớp 10 trường DTNT Tỉnh được thuận lợi.

Thông tin chi tiết về tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2023 – 2024 được đăng tải ở website nhà trường tại địa chỉ <http://thpt-dtnttinh.thuathienhue.edu.vn> (mục *Tuyển sinh 2023 – 2024*).

**Nơi nhận:**

- Như trên; (để phối hợp, thực hiện);
- Ban đại diện Hội CMHS tại các huyện;
- Website của trường;
- Lưu: CM,VT.

**HIỆU TRƯỞNG**



*Đỗ Thúc Công*







SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
THỪA THIÊN HUẾ  
**TRƯỜNG PHỔ THÔNG DTNT TỈNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Huế, ngày 21 tháng 4 năm 2023

Số: 95/ TB-DTNTT

V/v thông báo các tổ hợp môn học và cụm chuyên đề học tập lựa chọn thực hiện chương trình GDPT 2018 áp dụng cho năm học 2023 - 2024

- Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục-Đào tạo về việc ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

- Căn cứ Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT ngày 03/08/2022 của Bộ Giáo dục-Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục-Đào tạo;

- Căn cứ tình hình thực tế về đội ngũ, cơ sở vật chất của đơn vị;

Trường Phổ thông Dân tộc Nội trú Tỉnh xây dựng các tổ hợp môn học và cụm chuyên đề học tập lựa chọn thực hiện chương trình GDPT 2018 áp dụng cho năm học 2023 – 2024 cụ thể như sau:

**I. Nội dung giáo dục:**

**1. Các môn học bắt buộc:** Ngữ văn; Toán; Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh); Lịch sử; Giáo dục thể chất; Giáo dục quốc phòng và an ninh.

**2. Các môn học lựa chọn:** Học sinh chọn 04 môn học (từ các môn lựa chọn trong điều kiện có thể tổ chức của nhà trường) gồm: Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Vật lí, Hoá học, Sinh học; Công nghệ, Tin học.

**Trong năm học 2023 – 2024, do tình hình về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học và đội ngũ của nhà trường nên CHƯA tổ chức dạy học đối với môn Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật);**

**3. Các chuyên đề học tập:**

- Mỗi môn học Ngữ văn, Toán, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Vật lí, Hoá học, Sinh học, Công nghệ, Tin học có một số chuyên đề học tập tạo thành cụm chuyên đề học tập của môn học nhằm thực hiện yêu cầu phân hoá sâu, giúp học sinh tăng cường kiến thức và kĩ năng thực hành, vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học giải quyết những vấn đề của thực tiễn, đáp ứng yêu cầu định hướng nghề nghiệp.

- Tổng thời lượng dành cho cụm chuyên đề học tập của một môn học là 35 tiết/năm học. **Học sinh học sinh chọn 3 cụm chuyên đề học tập của 3 môn học phù hợp với nguyện vọng của bản thân và khả năng tổ chức của nhà trường.**

**4. Hoạt động giáo dục bắt buộc:**

- Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp: 105 tiết/năm học;



- Chương trình Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp bao gồm các nội dung hoạt động được tổ chức trong và ngoài nhà trường với các hình thức hoạt động Sinh hoạt dưới cờ, Sinh hoạt lớp, Hoạt động giáo dục theo chủ đề và Hoạt động câu lạc bộ. Căn cứ vào điều kiện thực tế của nhà trường, hiệu trưởng phân công cán bộ quản lý, giáo viên đảm nhận việc tổ chức thực hiện các hoạt động phù hợp với năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên.

### 5. Giáo dục địa phương: 35 tiết/năm học

Nội dung giáo dục của địa phương bao gồm những vấn đề cơ bản về văn hoá, lịch sử, địa lí, kinh tế, xã hội, môi trường, hướng nghiệp,... của địa phương.

Căn cứ Khung chương trình tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Thừa Thiên Huế - Cấp THPT (Ban hành kèm theo Quyết định số 1100/QĐ-UBND ngày 06/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế), hiệu trưởng phân công giáo viên dạy học các chủ đề phù hợp với năng lực của giáo viên.

## II. Phương án lựa chọn tổ hợp môn học và cụm chuyên đề học tập

Căn cứ vào thực trạng đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị của nhà trường và dự báo khả năng lựa chọn của học sinh, trong năm học 2023 – 2024 nhà trường xây dựng các phương án lựa chọn tổ hợp môn học và cụm chuyên đề học tập áp dụng cho lớp 10 thực hiện chương trình GDPT 2018 như sau:

### 1. Môn học bắt buộc: Gồm 06 môn với số tiết cụ thể như sau

Ngữ văn:	105 tiết;
Toán:	105 tiết;
Tiếng Anh:	105 tiết;
Lịch sử:	52 tiết;
Giáo dục thể chất:	70 tiết;
Giáo dục QP AN:	35 tiết;

### 2. Môn lựa chọn: Học sinh chọn 04 môn theo các phương án sau đây

Nội dung giáo dục	Số tiết/năm học	Các phương án lựa chọn						
		P.Án 1	P.Án 2	P.Án 3	P.Án 4	P.Án 5	P.Án 6	P.Án 7
Địa lí	70	X	X	X				
GD Kinh tế và pháp luật	70	X	X			X		X
Vật lý	70			X	X	X	X	
Hóa học	70	X			X	X		X
Sinh học	70		X		X		X	X
Công nghệ (trồng trọt)	70		X					X
Công nghệ (thiết kế)	70			X	X		X	
Tin học	70	X		X		X	X	

### 3. Chuyên đề học tập lựa chọn:

Học sinh lựa chọn 03 cụm chuyên đề môn học sau đây

Với tổng số tiết là: 105 tiết.

*Lưu ý: Sau khi học sinh lựa chọn, nhà trường có thể thực hiện điều chỉnh cho phù hợp với thực tế đội ngũ giáo viên của đơn vị.*

- Chuyên đề Văn: 35 tiết;
- Chuyên đề Sử: 35 tiết;
- Chuyên đề Địa: 35 tiết;
- Chuyên đề kinh tế- pháp luật: 35 tiết;
- Chuyên đề Toán: 35 tiết;
- Chuyên đề Lý: 35 tiết;
- Chuyên đề Hóa: 35 tiết;
- Chuyên đề Sinh: 35 tiết;
- Chuyên đề Tin học : 35 tiết;
- Chuyên đề công nghệ (công nghiệp) 35 tiết;

### 4. Hoạt động giáo dục bắt buộc:

Đây là hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp mang tính chất bắt buộc với tổng số tiết là 105 tiết/năm học.

5. **Giáo dục địa phương:** (Bắt buộc) với tổng số tiết là 35 tiết/năm học

\* **Tổng số tiết là : 997 tiết/năm học/lớp (bình quân: 28,5 tiết/tuần)** (chưa bao gồm môn học tự chọn: Tiếng DTTS và Ngoại ngữ 2 – nếu có)

#### Nơi nhận:

- BGH,
- TTCM (để triển khai cho tổ viên);
- Niên yết;
- Website đơn vị;
- Facebook Đoàn trường;
- Lưu: VT, CM.

**HIỆU TRƯỞNG**



*Đỗ Thúc Công*



